

Bản án số: 247/2022/ HNGĐ-ST

Ngày: 05/5/2022

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Hiệp

Bà Lê Thị Phước Mãng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2021/TLST-HNGĐ ngày 27/4/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh D, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: Tổ I ấp TN, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1959;

Địa chỉ: 144/2 Lầu 1 CVA, Phường B, Quận F, TP. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh D trình bày:

Bà Nguyễn Thanh D và ông Nguyễn Hữu L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, đăng ký kết hôn ngày 28/11/2007, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, do UBND Phường B, Quận F, TPHCM cấp. Hiện bản chính giấy chứng nhận kết hôn này ông L đang giữ nên bà D không có đề cung cấp cho Tòa án.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại 144/2 Lầu 1 CVA, Phường B, Quận F, chỉ hạnh phúc thời gian ngắn, do ông L gia trưởng, luôn quản lý bà D về mọi chuyện như việc làm tóc, đi đâu cũng xin phép, báo cáo.... Và do sự chênh lệch tuổi tác, dẫn đến khác biệt trong suy nghĩ, tính cách; để tránh xung đột, cãi vã, những việc ông L không thích, không đồng ý thì bà D không làm. Bà D luôn phải nhẫn nhịn ông L nên cuộc sống hôn nhân ngày càng ngột ngạt, đến năm 2010 bà D không

chịu đựng được nữa nên đã về Tây Ninh sống, vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân bà D có lên thăm con một năm hai lần, ông L có khuyên nhủ bà D quay về nhưng bà D không đồng ý và đã cắt chuyển hộ khẩu từ Quận F về tại xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh. Khi bà D báo với ông L việc nộp đơn ly hôn thì ông L xóa zalo, cắt đứt mọi liên lạc với bà D. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà D xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Vũ Bích N, sinh ngày 08/3/2002 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu L vắng mặt tại phiên tòa, không có bản tự khai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D có đơn xin vắng mặt và không có đơn rút yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu L.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn 94 ngày 28/11/2007 do UBND Phường B, Quận F cấp thì bà Nguyễn Thanh D và ông Nguyễn Hữu L có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông L đang thực tế cư trú tại Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà D có đơn xin ly hôn nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo quy định tại khoản 1 điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bà Nguyễn Thanh D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hữu L vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hôn nhân: Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...”, “vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..” khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “...Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

HĐXX thấy rằng: Theo bà D thì vợ chồng sống không hạnh phúc do chênh lệch tuổi tác dẫn đến sự khác biệt trong suy nghĩ; ông L có tính gia trưởng nên cuộc

sống hôn nhân ngày càng ngọt ngào. Từ năm 2010, bà D đã về Tây Ninh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về phía ông Nguyễn Hữu L, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý cho ông L về việc bà D có đơn yêu cầu ly hôn ông L. Tuy nhiên, từ khi nhận thông báo thụ lý đến nay ông L không có văn bản gửi Tòa án về ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà D, cũng không đến Tòa án để tham dự hòa giải mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Cho thấy mối quan hệ giữa ông L và bà D đã không còn gắn bó, yêu thương nhau, ông L không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, từ năm 2010 đến nay vợ chồng đã không còn chung sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; phía bà Nguyễn Thanh D vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của bà D là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Vũ Bích N, sinh ngày 08/3/2002 đã trưởng thành, Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thanh D khai không có, khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thanh D khai không có, khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh D phải chịu án phí theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 51, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016); Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thanh D đối với ông Nguyễn Hữu L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94, ngày 28/11/2007 do UBND Phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thanh D và ông Nguyễn Hữu L có 01 con chung là Nguyễn Vũ Bích N, sinh ngày 08/3/2002, đã trưởng thành.

3/ Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

4/ Về nợ chung: Khi nào có tranh chấp các bên có quyền khởi kiện trong vụ kiện khác.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu số 0038675 ngày 27/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục THA dân sự Quận 6;
- UBND P.B, Q.F TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Minh Châu